

CHUYÊN MỤC

KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC

LÝ THUYẾT CHENERY VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ TRONG THỜI KỲ 1999-2014

ĐỖ LÝ HOÀI TÂN*

Thông qua nền tảng lý thuyết của Chenery và các cộng sự (1986), bài nghiên cứu đã xác định các giai đoạn phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn 1999-2014. Kết quả cho thấy sự chuyển mình tích cực tại vùng Đông Nam Bộ từ giai đoạn kinh tế nông nghiệp cơ bản sang giai đoạn kinh tế tiền công nghiệp hóa. Tuy nhiên, tình trạng phân hóa ngày càng mạnh mẽ và vấn đề hấp thụ lao động còn kém giữa các khu vực kinh tế còn tồn tại sẽ dẫn đến những bất cập trong quá trình phát triển. Do đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau: 1) Đẩy mạnh hơn nữa sự phối hợp, liên kết giữa các địa phương; 2) Hình thành một cơ quan chuyên trách điều phối liên vùng nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quy hoạch chính sách.

Từ khóa: lý thuyết Chenery, giai đoạn phát triển kinh tế, phát triển kinh tế vùng, Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 25/4/2016; đưa vào biên tập: 20/3/2017; phản biện: 24/3/2017; duyệt đăng: 4/9/2017

1. GIỚI THIỆU

Sau hơn 30 năm thực hiện Đổi mới, Việt Nam đã có những bước tăng trưởng và phát triển kinh tế với nhiều thành tựu ấn tượng. Từ một nước thuộc nhóm nghèo nhất thế giới với thu nhập chỉ đạt \$100 vào năm 1990,

Việt Nam chính thức gia nhập vào nhóm các nước có thu nhập trung bình thấp vào năm 2009. Điều đó cho thấy nỗ lực không ngừng của Việt Nam để hội nhập kinh tế toàn cầu (Cheong và cộng sự 2010: 25).

Trong phát triển kinh tế - xã hội trên quy mô cả nước, việc phát triển kinh tế theo quy mô từng vùng có vai trò

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

quan trọng. Vùng Đông Nam Bộ từ lâu đã được Đảng và Nhà nước định hướng đóng vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Riêng với Đông Nam Bộ, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện tốt nhất để thúc đẩy tiến độ phát triển vùng. Quyết định số 275/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành *Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 27-KL/TW ngày 2/8/2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29/8/2005 của Bộ Chính trị khóa IX* về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, cho thấy Đảng và Nhà nước đã liên tục có những nghị quyết, chỉ thị về Đông Nam Bộ. Tuy nhiên có thể thấy để phát triển một cách bền vững vùng Đông Nam Bộ, không chỉ cần những chính sách dài hạn hợp lý mà còn cần huy động có hiệu quả các nguồn lực khác nhau trong nền kinh tế.

Nghiên cứu này tập trung xác định những giai đoạn phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ trong thời kỳ 1999-2014 nhằm đánh giá tình hình phát triển kinh tế của vùng trong thời gian qua. Từ đó chỉ ra những vấn đề hạn chế mà vùng Đông Nam Bộ phải khắc phục.

2. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Việc tìm ra các tiêu chí xác định các giai đoạn kinh tế đã được các nhà nghiên cứu quan tâm từ những năm

1960, khởi đầu từ nhà kinh tế học Rostow (1960) với tác phẩm *Stages of Economic Growth* (Các giai đoạn tăng trưởng kinh tế). Trong tác phẩm này, ông chỉ ra những chỉ tiêu cơ bản nhằm chứng minh luận điểm về sự khác nhau của các quốc gia trên thế giới và đưa ra một cách tổng hợp lịch sử về những bước (giai đoạn) tuần tự mà mỗi quốc gia phải trải qua trong quá trình phát triển. Theo tác giả thì bất kỳ quá trình phát triển kinh tế nào đều phải trải qua lần lượt 5 giai đoạn: nền kinh tế truyền thống, giai đoạn chuẩn bị cất cánh, giai đoạn cất cánh, giai đoạn trưởng thành và cuối cùng là giai đoạn xã hội tiêu dùng. Cơ cấu ngành kinh tế, tỷ lệ tích lũy, những đặc trưng trong phát triển các ngành và các lĩnh vực kinh tế, xã hội là những yếu tố cơ bản để phân biệt các giai đoạn khác nhau.

Các học giả khác như Friedmann (1966), Northam (1979), Kuznets (1989) cũng cho ra đời những tác phẩm nêu lên quan điểm của mình về xác định các giai đoạn phát triển kinh tế với nhiều góc độ khác nhau. Những tác phẩm này trở thành nguồn tư liệu quý giá, có ảnh hưởng lớn đến các nghiên cứu tương tự sau này.

Cũng theo đuổi chủ đề này, Chenery, cố vấn của Ngân hàng Thế giới, trong cuốn sách *Patterns of Development, 1950-1970* (Khuôn mẫu của phát triển, 1950-1970), đã chọn ra 27 biến và 101 quốc gia từ kho dữ liệu kinh tế - xã hội của Ngân hàng Thế giới để tiến hành phân tích - so sánh. Qua đó ông

phân loại quá trình phát triển thành 3 nhóm lớn, bao gồm quá trình tích lũy (đầu tư, ngân sách nhà nước và giáo dục), quá trình phân phối nguồn lực (cơ cấu nhu cầu nội địa, sản xuất và thương mại) và quá trình phân phối của cải trong xã hội (phân phối lao động, phân phối thu nhập, đô thị hóa, biến đổi nhân khẩu) (Chenery và cộng sự 1975). Chủ đề này sau đó được ông và các cộng sự tiếp tục nghiên cứu và giải thích cặn kẽ trong cuốn sách *Industrialization and Growth: A Comparative Study* (Công nghiệp hóa và tăng trưởng: Nghiên cứu so sánh) nhằm chỉ ra xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những nhóm có GDP bình quân đầu người khác nhau. Điểm nhấn trong tác phẩm này là tác giả đã chia thời kỳ phát triển kinh tế làm 3 giai đoạn lớn, giai đoạn khởi đầu, giai đoạn phát triển, giai đoạn hoàn thiện và tương ứng với mỗi giai đoạn có xác định chỉ tiêu GDP bình quân đầu người khác nhau (Chenery và cộng

sự 1986: 48).

Mặc dù các phương pháp nghiên cứu đều có ưu và khuyết điểm riêng của nó, nhưng không thể phủ nhận rằng GDP bình quân đầu người thực sự là một chỉ số được sử dụng rộng rãi và mang tính tham khảo cao nhất đối với các nhà nghiên cứu trong việc tìm hiểu những quy luật chung của sự phát triển kinh tế vĩ mô của một quốc gia hay khu vực, nó phản ánh được một cách đáng kể về mức độ phát triển kinh tế địa phương trong từng giai đoạn khác nhau. Với ý nghĩa như vậy thì việc GDP bình quân đầu người là một giá trị tham khảo quan trọng để xác định các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau, theo như Chenery, là hoàn toàn có cơ sở. Tuy nhiên do nghiên cứu của Chenery được hoàn thiện với số liệu sử dụng của năm 1970 nên để có thể sử dụng hiệu quả thì các chỉ số GDP bình quân đầu người trong nghiên cứu cần phải được quy đổi với chỉ số lạm

Bảng 1. Các giai đoạn phát triển kinh tế (Chenery và cộng sự 1986)

Giai đoạn		1970	1990	1995	2000	2005	2010	2015
1	Nông nghiệp cơ bản	100-280	340-940	400-1100	440-1240	500-1410	560-1570	610-1710
	Tiền công nghiệp hóa	280-560	940-1890	1100-2200	1240-2490	1410-2820	1570-3150	1710-3420
2	Phát triển công nghiệp hóa	560-1120	1890-3770	2200-4400	2490-4970	2820-5640	3150-6300	3420-6840
	Hoàn thành công nghiệp hóa	1120-2100	3770-7070	4400-8250	4970-9320	5640-10570	6300-11810	6840-12830
3	Bước đầu công nghiệp hiện đại	2100-3360	7070-11310	8250-13200	9320-14910	10570-16920	11810-18900	12830-20530
	Hoàn thiện công nghiệp hiện đại	3360-5040	11310-16970	13200-19800	14910-22380	16920-25380	18900-28350	20530-30790

Nguồn: tính toán của tác giả theo dữ liệu từ <http://data.bls.gov>.

phát phù hợp. Bảng 1 thể hiện các giai đoạn phát triển kinh tế và các chỉ tiêu GDP bình quân đầu người với chỉ số lạm phát từng năm tương ứng (được tính bằng cách lấy chỉ tiêu GDP bình quân đầu người của năm 1970 nhân với chỉ số lạm phát từng năm tương ứng).

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng nguồn số liệu chính thống của các tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ và cả nước từ Tổng cục Thống kê và từ báo cáo Phát triển Con người của UNDP (2011) trong các năm 1999, 2004, 2008 để tính toán các chỉ tiêu cần thiết. Do số liệu chính thống năm 2015 của các tỉnh, thành phố ở vùng Đông Nam Bộ chưa đầy đủ nên nghiên cứu sử dụng số liệu năm 2014 để thay thế.

Số liệu thu thập từ báo cáo Phát triển Con người của UNDP tại các tỉnh thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ đều là chỉ số GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương (PPP). Do đó, nghiên cứu phải tiến hành chuyển đổi các giá trị này sang những số liệu phù hợp dựa trên đẳng thức:

$$GDP_{i,t} - PPP = \frac{GDP_{i,t}}{GDP_t} \times \frac{GDP_t - PPP}{I_{p i,t}} \quad (1)$$

Trong đó:

$GDP_{i,t} - PPP$ là GDP bình quân đầu người của tỉnh thành phố i ở năm t theo PPP;

$GDP_t - PPP$ là GDP bình quân đầu người toàn quốc ở năm t theo PPP;

$GDP_{i,t}$ là GDP bình quân đầu người tính theo giá thực tế của tỉnh thành phố i trong năm t ;

GDP_t là GDP bình quân đầu người toàn quốc theo giá thực tế ở năm t ;

$I_{p i,t}$ là chỉ số giá sinh hoạt của tỉnh thành phố i so với toàn quốc ở năm t .

Dựa theo đẳng thức (1), ta có công thức tính GDP bình quân đầu người theo giá thực tế của tỉnh thành phố trong năm như sau:

$$GDP_{i,t} - PPP = \frac{GDP_{i,t} - PPP}{GDP_t - PPP} \times GDP_t \times I_{p i,t} \quad (2)$$

Kết quả thu được từ biểu thức (2) sau đó kết hợp với bảng 1 để xác định các giai đoạn phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn 1999-2014.

4. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

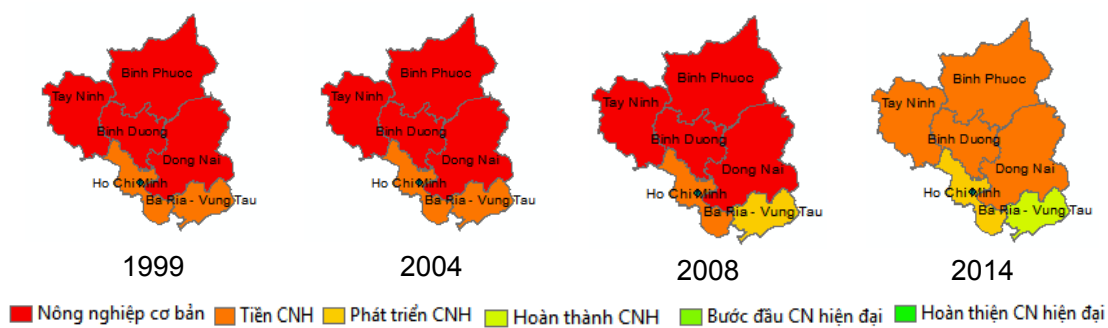
Với vai trò then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Nam nói riêng và cả nước nói chung, vùng Đông Nam Bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực trong suốt thời gian qua. Dựa trên kết quả thể hiện tại Bảng 2 và Hình 1, năm 1999 cả vùng Đông Nam Bộ có 4 địa phương vẫn còn thuộc giai đoạn nông nghiệp cơ bản và chỉ có 2 địa phương là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và TPHCM đi đến giai đoạn tiền công nghiệp hóa. Tuy nhiên, chỉ sau 15 năm (đến 2014) thì không còn tỉnh thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ nào còn ở giai đoạn 'nông nghiệp cơ bản' (GDP bình quân đầu người trong khoảng \$440

Bảng 2. GDP bình quân đầu người theo giá thực tế của các tỉnh Đông Nam Bộ từ 1999 đến 2014

	1999	2004	2008	2014
Vùng Đông Nam Bộ	3,809	3,746.1	4,185.8	-
Thành phố Hồ Chí Minh	1,481.34	1,422.86	1,982	5,100
Bình Dương	736.26	847.8	1,374	2,880
Đồng Nai	620	778.97	1,228.48	3,012
Vũng Tàu	1,670	2,215.93	3,243.61	6,710
Tây Ninh	391.3	511.45	1,152.26	2,383
Bình Phước	245	298.26	801.74	1,838

Nguồn: theo tính toán của tác giả từ nguồn số liệu GDP (theo PPP) từng tỉnh của *Báo cáo Phát triển con người* của UNDP từ 1999 đến 2008 và số liệu GDP từng tỉnh trong *Báo cáo điều tra lao động việc làm* của Tổng cục Thống kê trong năm 2014.

Hình 1. Các giai đoạn phát triển của vùng Đông Nam Bộ theo lý thuyết Chenery



Nguồn: Tác giả vẽ lại dựa theo số liệu Bảng 2.

Bảng 3. Tỷ lệ phân bố của địa phương theo các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau ở vùng Đông Nam Bộ

	1999	2004	2008	2014
	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Số lượng
Nông nghiệp cơ bản	4	4	4	0
Tiền công nghiệp hóa	2	2	1	4
Phát triển công nghiệp hóa	0	0	1	1
Hoàn thành công nghiệp hóa	0	0	0	1

Nguồn: Theo tính toán của tác giả từ nội dung Bảng 1 và Bảng 2.

đến \$1,240) mà phần lớn đã chuyển sang giai đoạn 'tiền công nghiệp hóa' (GDP bình quân đầu người trong khoảng \$1,710 đến \$3,420). Đặc biệt,

2 tỉnh và thành phố là TPHCM (GDP bình quân đầu người đạt \$5,100 năm 2014) và Bà Rịa-Vũng Tàu (GDP bình quân đầu người đạt \$6,710 năm 2014)

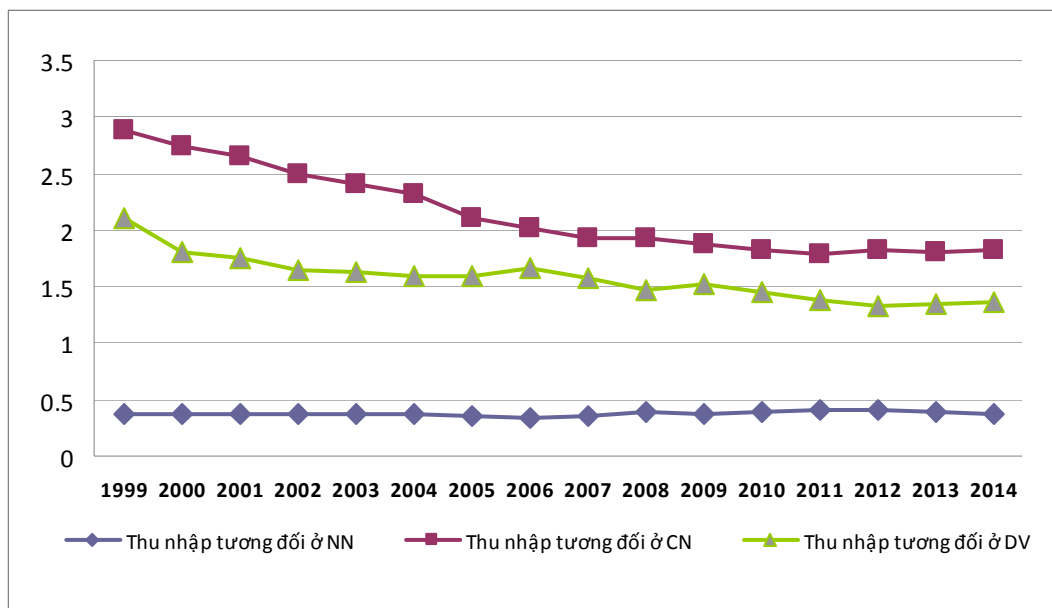
cho thấy tiềm lực phát triển kinh tế của mình khi đã lần lượt chuyển sang giai đoạn ‘phát triển công nghiệp hóa’ (GDP bình quân đầu người trong khoảng \$3,420 đến \$6,840) và ‘hoàn thành công nghiệp hóa’ (GDP bình quân đầu người trong khoảng \$6,840 đến \$12,830). Từ đó có thể nhận định rằng tiến trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa tại vùng đang diễn ra với chiều hướng tích cực. Điều này cũng phù hợp với kết quả khảo sát Đông Nam Bộ hẹp 2010 của tác giả Lê Thanh Sang và Nguyễn Thị Minh Châu (2013: 31) với nhận định “Đông Nam Bộ đang trong quá trình chuyển động từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp”.

Tuy nhiên tiến trình phát triển kinh tế của vùng vẫn còn những hạn chế. Bảng 3 cho thấy một thực tế rằng phần lớn các địa phương vùng Đông Nam Bộ cho đến năm 2008 vẫn còn nằm ở giai đoạn nông nghiệp cơ bản và chỉ chuyển sang giai đoạn tiếp theo trong thời gian gần đây. Bên cạnh đó, sự phân hóa trong GDP bình quân đầu người giữa các địa phương trong vùng diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Nếu tại thời điểm 1999, mức chênh lệch GDP bình quân đầu người của 2 tỉnh thấp nhất và cao nhất là \$1,425 (tỉnh Bình Phước đạt \$245 trong khi đó tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong thời điểm này đã đạt \$1,670); thì chỉ sau 15 năm khoảng cách này đã tăng gấp 3,4 lần (tỉnh Bình Phước đạt \$1,838 so với tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đạt \$6,710). Trong hội nghị Công thương các tỉnh thành phố

của vùng Đông Nam Bộ, Giám đốc Sở Công thương tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã thừa nhận rằng nhiều địa phương vẫn còn mang trong mình tâm lý “mạnh ai, nấy lo” trong quá trình thu hút đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng sản xuất, khiến nhiều địa phương có tiềm lực tăng trưởng rất nhanh, nhưng nhiều địa phương khác lại có tốc độ phát triển chậm hơn (Phương Hiệp 2013). Mặc dù theo lý giải từ khái niệm trung tâm – ngoại vi của Friedmann (1966)⁽¹⁾ thì đây là một hiện tượng phổ biến của nhiều quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên điều này phần nào vẫn bộc lộ sự kém bền vững trong vấn đề liên kết vùng giữa từng địa phương tại Đông Nam Bộ với nhau, dù không ít chương trình liên kết vùng đã được phê duyệt và tổ chức thực hiện suốt thời gian qua.

Ngoài ra, so sánh số liệu năm 2010 và 2014 từ Tổng cục Thống kê (2010: 23; 2014: 30) còn cho thấy tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo của vùng Đông Nam Bộ đang có dấu hiệu thụt lùi (19,5% lao động đã qua đào tạo năm 2010 so với 16,6% năm 2014). Điều này cho thấy lao động có trình độ thấp và chưa qua được đào tạo bài bản chiếm tỉ lệ cao tại vùng. Sự thiếu hụt lao động chất lượng cao tạo thách thức lớn cho việc đáp ứng nhu cầu lao động có trình độ cho nhiều dự án khu công nghiệp⁽²⁾ đã và đang triển khai trên địa bàn của vùng hiện nay. Bên cạnh đó, dấu hiệu phân hóa trong thu nhập tương đối giữa các khu vực kinh tế, đặc biệt giữa khu vực nông nghiệp và các khu vực khác, (Hình 2) cùng

Hình 2: Xu hướng thay đổi trong thu nhập tương đối⁽³⁾ của các khu vực kinh tế của cả nước



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào số liệu *Niên giám thống kê* năm 1999, 2009, 2014 của Tổng cục Thống kê.

với số liệu về cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế phản ánh phần nào khả năng hấp thụ lao động còn kém của khu vực phi công nghiệp, dẫn đến sự tắc nghẽn trong dòng dịch chuyển từ lao động nông nghiệp sang khu vực khác và tiếp nhận lao động mới trong giai đoạn qua. Những bất cập này nếu không được giải quyết triệt để sẽ là nhân tố dẫn đến những bất ổn tiềm tàng trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế cạnh tranh thị trường hiện nay.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu có thể đưa ra một số kết luận sau:

Quá trình phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ đang chuyển biến tích

cực. Nền kinh tế vùng đang trong quá trình công nghiệp hóa, đặc biệt là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và TPHCM, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng nhanh của GDP bình quân đầu người.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng tình hình phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ vẫn còn nhiều điểm hạn chế. Đặc biệt là xu hướng phân hóa nền kinh tế giữa các tỉnh thành phố trong vùng ngày càng mạnh mẽ. Các địa phương nằm ở khu vực cận biển là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và TPHCM ngày càng bỏ xa các địa phương còn lại trong tiến trình phát triển. Điều này làm cản trở quá trình phát triển kinh tế bền vững của toàn vùng trong thời gian tới.

Từ đặc điểm phát triển trên, bài viết xin đưa ra một số kiến nghị về chính sách

để cải thiện hơn nữa phát triển kinh tế chung cho toàn vùng theo hướng bền vững:

Thứ nhất là cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện liên kết giữa các địa phương, xóa bỏ dần tâm lý “mạnh ai nấy lo” vẫn còn hiện hữu. Thực tế cho thấy hiện nay việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở hầu hết các tỉnh đều vẫn còn được tiến hành một cách độc lập; không có sự tham khảo qua lại, trao đổi phối hợp giữa các địa phương. Điều này dễ dẫn đến sự phát triển của một địa phương có thể tổn hại lợi ích của địa phương khác và từ đó gây tiêu cực cho lợi ích tổng thể của quốc gia. Do đó, nghiên cứu và ban hành những cơ chế phối hợp hợp lý giữa các địa phương, yêu cầu sự tham khảo ý kiến với địa phương lân cận, đặc biệt ở một số lĩnh vực quan trọng như cơ sở hạ tầng giao thông, là vô cùng cần thiết.

Thứ hai là để đảm bảo sự hài hòa và thống nhất trong quy hoạch phát triển

giữa các địa phương trong vùng cần hình thành một cơ quan điều phối hoạt động liên vùng. Bộ phận này không chỉ là cầu nối liên kết, điều phối và giám sát các hoạt động của toàn vùng, mà còn đảm nhiệm trọng trách xây dựng hệ thống nguyên tắc trong quy hoạch theo hướng công khai, minh bạch giữa các cấp bộ và giữa các địa phương.

Điểm hạn chế của nghiên cứu là chỉ sử dụng chỉ số GDP bình quân đầu người làm tiêu chí xác định các giai đoạn phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ. Do đó những nghiên cứu tiếp theo cần đi sâu hơn về vấn đề này thông qua việc sử dụng những chỉ tiêu đánh giá khác nhau để có cái nhìn tổng quan hơn. Hơn nữa, cần thực hiện so sánh các giai đoạn phát triển kinh tế giữa các vùng trong nước để rút ra những kết luận mới về phân hóa trong từng vùng, điều mà nghiên cứu này vẫn chưa có điều kiện thực hiện. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Friedmann cho rằng bất kỳ nền kinh tế nào tại những nước đang phát triển thường có một trung tâm và một khu vực ngoại vi gắn kết lỏng lẻo với trung tâm. Trong đó, vùng ngoại vi thường khó có thể phát triển và trong tình trạng lạc hậu hơn vì những mối quan hệ tối thiểu và chỉ hỗ trợ cho sự phát triển của trung tâm mà thôi.

⁽²⁾ Các dự án FDI trong khu công nghiệp, khu kinh tế tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ với 2.776 dự án (chiếm 59,6% cả nước), tổng vốn đầu tư đăng ký là 34,45 tỷ USD; Các dự án vốn đầu tư trong nước vào khu công nghiệp, khu kinh tế chủ yếu là các dự án có quy mô vừa và nhỏ và tập trung ở khu vực Đông Nam Bộ là 1.659 dự án (chiếm 27% cả nước) với tổng vốn đăng ký là 223.277 tỷ đồng (Hà Phương 2014).

⁽³⁾ Thu nhập tương đối của các khu vực kinh tế là tỷ lệ giữa tỷ trọng giá trị sản xuất của từng khu vực trong GDP so với tỷ trọng lao động của từng khu vực tương ứng.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chenery H, Robinson S và Syrquin M. 1986. *Industrialization and Growth: A Comparative Study*. New York: Oxford University Press.
2. Chenery H, Syrquin M. 1975. *Patterns of Development, 1950-1970*. London: Oxford University Press.
3. Cheong K-C, Kharas H, Thang N. và Duc P.M. 2010. *From Low-Income to Industrialized: Vietnam in the Next Decade and Beyond*. Truy cập ngày 10/2/2016 tại: <http://siteresources.worldbank.org/INTVIETNAM/>
4. Friedmann J. 1966. *Regional Development Policy: A Case Study of Venezuela*. Mass: MIT Press.
5. Hà Phương. 2014. *Phát huy vai trò động lực của các khu công nghiệp, khu kinh tế*. Truy cập ngày 21/2/2016 tại: <http://khucongnghiep.com.vn/dinhhuong/>
6. Kuznets, S. 1989. *Modern Economic Growth*. Beijing: The Commercial Press.
7. Lê Thanh Sang và Nguyễn Thị Minh Châu. 2013. *Cơ cấu phân tầng xã hội ở Đông Nam Bộ trong tầm nhìn so sánh với TPHCM và Tây Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Xã hội. Số 2(174): 20-32.
8. Northam R.M. 1979. *Urban Geography*. New York: John Willey & Sons.
9. Phương Hiệp. 2013. *Thiếu liên kết phát triển kinh tế vùng Đông Nam Bộ*. Truy cập ngày 13/2/2016 tại: <http://www.undp.org/>
10. Tổng cục Thống kê. 2010. *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2010*. Truy cập ngày 28/2/2016 tại: <https://www.gso.gov.vn/>
11. Tổng cục Thống kê. 2014. *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2014*. Truy cập ngày 28/2/2016 tại: <https://www.gso.gov.vn/>
12. UNDB. 2011. *Dịch vụ xã hội phục vụ phát triển con người*. Truy cập ngày 13/2/2016 tại: <http://www.undp.org/>